|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**Số: /BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Châu Thành, ngày tháng năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn**

**nông thôn mới cho xã Thiện Mỹ năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20 tháng 04 năm 2017 của UBND tỉnhvề việc ban hành 13 chỉ tiêu thuộc 6 tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàntỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016- 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 22/11/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 64/KH-UBND 13/12/2016 UBND huyện Châu Thành về việc phát động Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Thiện Mỹ tại Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 01/4/2020 về việc thẩm tra, xét công nhận xã Thiện Mỹ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện Châu Thành báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Thiện Mỹ năm 2020, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

**1. Về hồ sơ**

- Số lượng: Gồm 5 bộ hồ sơ.

+ Tờ trình của UBND xã Thiện Mỹ về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

+ Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính).

+ Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã(bản chính).

+ Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

+ Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Thiện Mỹ (bản chính).

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

**2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện tại của xã và công bố rộng rãi đến các ấp.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt từ 50% trở lên.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, trong đó cứng hóa trên 30%.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa, bê tông hóa thực hiện 5,82km/5,82 km, đạt 100%.

- Đường trục xóm, ấp và đường liên ấp được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm thực hiện 18,923km/31,434 km, đạt 60,2%.

- Đường ngõ, xóm đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa, cứng hóa thực hiện 14,463km/14,463km, đạt 100%.

- Đường trục chính nội đồng không quy hoạch

Tổng kinh phí thực hiện 50.516 triệu đồng, trong đó:

Vốn ngân sách: 42.290 triệu đồng

Vốn dân đóng góp: 8.226 triệu đồng.

*c) Đánh giá:* Đạt tiêu chí.

**2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

-Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 80% trở lên.

-Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 97%.

- Công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn luôn triển khai chặt chẽ và thường xuyên, có tham gia các cuộc diễn tập về phòng chống thiên tai, hàng năm đều xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai và có phân công cụ thể nhiệm vụ từng thành viên nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác phòng chống thiên tai.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.4. Tiêu chí số 4 về điện**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*Hệ thống điện đạt chuẩn; 98% hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Xã có hệ thống điện đạt chuẩn và đảm bảo các yêu cầu của ngành điện;

- Hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 112,5%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

**2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt ≥ 70%.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Toàn xã hiện có 4 trường, trong đó mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở. Đến nay đã đầu tư đạt 3/4 điểm trường, đạt 75 %.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.6. Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Xã có nhà văn hóa và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. Hiện nay xã tận dụng diện tích trước nhà văn hóa và các sân chùa, trường học để phục vụ nhu cầu giải trí và thể thao cho người dân.

- Có 7/7 ấp đều có nhà sinh hoạt cộng đồng đáp ứng được các nhu cầu về văn hóa, thể thao của người dân.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa phù hợp với quy hoạch.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

Xã có chợ kiên cố đảm bảo diện tích cho các hộ kinh doanh, có các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình như Ban quản lý chợ, bảng chợ, nhà vệ sinh. Nâng cấp sửa chữa chợ vào năm 2016, kinh phí thực hiện 28.000.000 đồng.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

Có điểm phục vụ bưu chính; Xã Có dịch vụ viễn thông internet; Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn; Xã có ứng dụng thông tin trong công tác quản lý điều hành;

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

Xã có bưu điện đáp ứng nhu cầu về bưu chính của người dân; các ấp trong xã đều có phủ sóng, mạng truy cập internet; Xã có đài truyền thanh xã và 7/7 ấp đều có hệ thống loa kịp thời cung cấp thông tin đến người dân; Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

- Không có nhà tạm, dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn ≥ 70%.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Nhà tạm, dột nát: Không.

- Tỷ lệ nhà ở đạt tiêu chuẩn 76,66%/70%.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 50 triệu đồng/người/năm.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

Những năm qua, được sự quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ vốn vay phát triển sản xuất…, tạo điều kiện cho người dân phát triển về kinh tế, từ đó thu nhập bình quân đầu người trong xã hàng năm điều tăng. Năm 2020 thu nhậpbình quân đầu người của xã đạt 50,69 triệu đồng/người/năm.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2018-2020 còn dưới 4%.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

Năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo của xã giảm xuống còn 2,53%.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Qua điều tra cập nhật số liệu, tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt 91,59%.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012; Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

Xã có 7 THT nông nghiệp và 02 hợp tác xã nông nghiệp thành lập theo hoạt động theo đúng luật hợp tác xã 2012 và hoạt động có lãi trong năm 2018 - 2020, xã có thực hiện liên kết bao tiêu lúa là nông sản chủ lực của xã.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

- Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt ≥ 80%.

 - Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt ≥ 25%.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đạt.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt 91,61%.

 - Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 29,59%.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt ≥ 85%.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi ≤ 20,5%.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,95%.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: đạt.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 19,9%.

*c) Đánh giá:* Đạt tiêu chí.

**2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*: Xã có từ 70% ấp trở lên đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo quy định.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

Xã có 7/7 ấp đều đạt chuẩn ấp văn hóa, đạt 100% so với quy định.

*c) Đánh giá:* Đạt tiêu chí.

**2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

-Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định (nước hợp vệ sinh ≥ 95%, nước sạch ≥ 65%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt ≥ 70%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt ≥70%.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định:

Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinhtrên toàn xã có 2.210/3.2.279 hộ chiếm 96,97%*.* Trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo chuẩn toàn xã có 1.190/2.279 hộ đạt 65,38%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Không có hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp, có hàng rào cây xanh trước cổng nhà và đường vào nhà sạch sẽ.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Xã đã có kế hoạch phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể xã vận động người dân tham gia xử lý rác thải tại nhà, không vứt rác xuống kênh rạch; phối hợp các ngành có liên quan chọn tuyến đường trọng điểm, tổ chức thực hiện thu gom chất thải và hỗ trợ mô hình phân loại rác thải tại hộ gia đình cho người dân tạo cơ sở nhân rộng trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 72,27%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: đạt 91% không gây ô nhiễm không khí và nguồn nước xung quanh.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Có 53/53 hộ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Có 17/19 cán bộ công chức xã đạt chuẩn, chiếm 89,47%, đạt so với yêu cầu tiêu chí.

- Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đạt

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: Đạt

- Hiện tại xã có 02 đồng chí ủy viên ban chấp hành Đảng bộ nữ. Hàng năm xã đều phối hợp với Hội LHPN và Đài truyền thanh xã thực hiện tốt công tác tuyên truyền bình đẳng giới cũng như bạo lực gia đình Đảm bảo thực hiện đạt công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dể bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

*c) Đánh giá:*Đạt tiêu chí.

**2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và Thiện Mỹ**

*a) Yêu cầu của tiêu chí*

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Xã đạt chuẩn an toàn về Thiện Mỹ, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí*

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. Xã luôn quan tâm xây dựng dân quân cơ động, dân quân binh chủng, dân quân tại chỗ theo quy định, xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh. Tổ chức huấn luyện diễn tập, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân thế trận Thiện Mỹ nhân dân, vận động thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ đăng ký và chấp hành luật nghĩa vụ quân sự theo quy định.

- Xã đạt chuẩn an toàn về Thiện Mỹ, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục.

c) *Đánh giá*: Đạt tiêu chí

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Xã Thiện Mỹ đã gửi đầy đủ hồ sơ, thủ tục cần thiết trình về cấp thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nội dung đảm bảo theo yêu cầu theo quy định.

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:** Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Thiện Mỹ đã được UBND huyện Châu Thành thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

**3. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới**

Từ năm 2011 đến nay trong quá trình xây dựng nông thôn mới của xã Thiện Mỹ không có nợ đọng.

**III. KIẾN NGHỊ**

Đề nghị Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thẩm định, tham mưu trình UBND tỉnh xét công nhận xã Thiện Mỹ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2020./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- VPĐP NTM tỉnh;- Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ**

**NÔNG THÔN MỚI XÃ THIệN Mỹ, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 04/09/2020 của UBND huyện Châu Thành)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** | **ĐVT** | **Tiêu chuẩn đạt chuẩn** | **Kết quả tự đánh giá của xã** | **Kết quả thẩm tra của huyện** |
| **I. QUY HOẠCH** |   |   |  |  |
| 1 | **Quy hoạch** | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn |   | Đạt | Đạt  |  Đạt |
| 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch |   | Đạt | Đạt  |  Đạt |
| **II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI** |   |   |  |   |
| 2 | **Giao thông** | 2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | % | 100% | 100% | 100% |
| 2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | % | ≥50% | 55,61% | 55,61% |
| 2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa | % | Không lầy lội vào mùa mưa và cứng hóa ≤30%  | Không lầy lội vào mùa mưa và cứng hóa 88% | Không lầy lội vào mùa mưa và cứng hóa 88% |
| 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | % | Không quy hoạch |   |   |
| 3 | **Thủy lợi** | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên | % | 80% | 100% | 100% |
| 3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ |   | Đạt | Đạt  |  Đạt |
| 4 | **Điện** | 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn |   | Đạt | Đạt  | Đạt  |
| 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn | % | ≥98% |  108,7% | 108,7% |
| 5 | **Trường học** | Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia | % | ≥70% | 80%  | 80% |
| 6 | **Cơ sở vật chất văn hóa** | 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã |   | Có | Có | Có |
| 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định |   | Có | Có | Có |
| 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng | % | 100% | (9/9 ấp) 100% | (9/9 ấp) 100% |
| 7 | **Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn** | Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa |   | Có | Có | Có |
| 8 | **Thông tin và Truyền thông** | 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính |   | Có | Có | Có |
| 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet |   | Có | Có | Có |
| 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn |   | Có | Có | Có |
| 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành |   | Có | Có | Có |
| 9 | **Nhà ở dân cư** | 9.1. Nhà tạm, dột nát |   | Không |  Không | Không |
| 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định | % | ≥70% | 84,05% |  84,05% |
| **III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT** |   |   |  |   |
| 10 | **Thu nhập** | Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2018 *(triệu đồng/người)* | Triệu đồng | ≥41 | 45,64  | 45,64 |
| 11 | **Hộ nghèo** | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 | % | ≤4% | 3,86 % | 3,86% |
| 12 | **Lao động có việc làm** | Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động | % | ≥90% | 94,11%  | 94,11% |
| 13 | **Tổ chức sản xuất** | 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 |   | Có HTX | Có 1 HTX  | Có 1 HTX  |
| 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững |   | Có | Có bao tiêu lúa | Có bao tiêu lúa |
| **IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG** |   |   |  |   |
| 14 | **Giáo dục** | 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở |   | Đạt |  Đạt | Đạt  |
| 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) | % | ≥80% |  81,34% | 81,34% |
| 14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo | % | ≥25% | 30,9%  | 30,9%  |
| 15 | **Y tế** | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế | % | ≥85% |  85,45% |  85,45% |
| 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế |   | Đạt | Đạt  | Đạt  |
| 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) | % | ≤20,5% | 20,2%  | 20,2%  |
| 16 | **Văn hóa** | Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định | % | ≥70% |  (9/9 ấp) 100% |  (9/9ấp) 100% |
| 17 | **Môi trường và an toàn thực phẩm** | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định | % | ≥95% (≥65% nước sạch) |  Nước hợp VS 95,3% (65,7% nước sạch)  |  Nước hợp VS 95,3% (65,7% nước sạch)  |
| 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường | % | 100% | 100% | 100% |
| 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn |   | Đạt | Đạt  | Đạt  |
| 17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch |   | Đạt |  Đạt | Đạt  |
| 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định |   | Đạt | Đạt  |  Đạt |
| 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch | % | ≥70% | 80,2% | 80,2% |
| 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường | % | ≥70% | 89% | 89% |
| 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | % | 100% | 100%  | 100%  |
| **V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ** |   |   |   |   |
| 18 | **Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật** | 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn | % | ≥80% | 90,48% | 90,48% |
| 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định |   | Đạt | Đạt | Đạt  |
| 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" |   | Đạt | Đạt  | Đạt  |
| 18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên | % | 100% | 100%  | 100%  |
| 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định |   | Đạt | Đạt  | Đạt  |
| 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội |   | Đạt |  Đạt | Đạt  |
| 19 | **Quốc phòng và Thiện Mỹ** | 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng |   | Đạt | Đạt  | Đạt  |
| 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về Thiện Mỹ, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước |   | Đạt | Đạt  | Đạt  |